

CHÍNH PHỦ
Số: 136/2004/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;
Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;
Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra giao thông vận tải

Thanh tra giao thông vận tải được tổ chức thành hệ thống, ở Trung ương thuộc Bộ Giao thông vận tải, ở địa phương thuộc Sở Giao thông vận tải (hoặc Sở Giao thông công chính), thực hiện chức năng thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra giao thông vận tải

1. Tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải.
2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến giao thông vận tải tại Việt Nam; trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nội dung hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải

1. Thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này về việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao.
2. Thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này về việc:
 - a) Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức đối với kết cấu hạ tầng, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông vận tải; điều kiện, tiêu chuẩn và các chứng chỉ, giấy tờ chuyên môn của người điều khiển, tham gia vận hành phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
 - b) Trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông vận tải;
 - c) Thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải;
 - d) Đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, thu hồi Giấy phép điều khiển phương tiện giao thông vận tải.
3. Phát hiện, lập biên bản, có biện pháp ngăn chặn, quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm hành chính.
4. Giúp Thủ trưởng cơ quan cùng cấp tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.
5. Hướng dẫn nội dung, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho Thanh tra giao thông vận tải cấp dưới.
6. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với luật, pháp lệnh và yêu cầu quản lý nhà nước về giao thông vận tải.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải

Hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra của Thanh tra giao thông vận tải.

Điều 5. Mối quan hệ công tác của Thanh tra giao thông vận tải

1. Các tổ chức thanh tra thuộc hệ thống Thanh tra giao thông vận tải hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải cùng cấp và sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của cơ quan Thanh tra cấp trên.

2. Thanh tra Bộ Giao thông vận tải chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Tổng Thanh tra Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo công tác, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở; quản lý, chỉ đạo về công tác, tổ chức và hoạt động nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra của các Cục tương ứng thuộc Bộ Giao thông vận tải.

4. Thanh tra giao thông vận tải phối hợp với Thanh tra các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan khác trong quá trình thanh tra đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải và trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA GIAO THÔNG VẬN TẢI

MỤC I:

HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 6. Hệ thống tổ chức

1. Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ) và Thanh tra giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng

không của các Cục tương ứng thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Thanh tra Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải).

2. Thanh tra Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Giao thông công chính (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở).

3. Các tổ chức thanh tra giao thông vận tải có con dấu và tài khoản riêng.

MỤC II: THANH TRA BỘ

Điều 7. Tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

2. Thanh tra Bộ có Phòng trực thuộc do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập.

3. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Thanh tra viên; các chức danh trên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Thanh tra giao thông vận tải trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra đối với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, chương trình, kế hoạch công tác, nghiệp vụ thanh tra.

4. Tổ chức thực hiện công tác chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giúp Bộ trưởng tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý về tổ chức và hoạt động thanh tra; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho Thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

7. Giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước về công tác thanh tra. Kiểm tra, xác minh, ra quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quyết định xử lý vi phạm của Thanh tra Cục, Thanh tra Sở nếu có căn cứ xác định quyết định đó trái pháp luật hoặc gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

MỤC III:

THANH TRA CỦA CÁC CỤC THUỘC BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Điều 9. Tổ chức Thanh tra Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải

1. Thanh tra Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

2. Thanh tra Cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên; các chức danh trên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không phù hợp với chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành của Cục.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Cục trưởng.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy trình, quy phạm, quy định về chuyên môn - kỹ thuật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị định này thuộc phạm vi quản